

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN N
TỈNH ĐIỆN BIÊN**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 07/2019/HNGĐ-ST

Ngày: 14-12-2019

“V/v Không công nhận quan hệ
vợ chồng”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN N, TỈNH ĐIỆN BIÊN

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Vũ Thị Thành

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Thùng Văn Liên
2. Ông Nguyễn Văn Tiếp

- Thư ký phiên tòa: Bà Phạm Thị Sao - Thư ký Tòa án nhân dân huyện N, tỉnh Điện Biên.

Ngày 14 tháng 11 năm 2019, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện N, tỉnh Điện Biên xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 35/2019/TLST-HNGĐ ngày 01 tháng 10 năm 2019 về việc không công nhận vợ chồng theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 07/2019/QĐXX-ST ngày 24 tháng 10 năm 2019 giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Chị Tẩn Phùng M, sinh năm: 1988, có đơn xin xét xử vắng mặt.

Địa chỉ cư trú: Bản S 2, xã H, huyện N, tỉnh Điện Biên.

2. *Bị đơn:* Anh Lý Phúc L, sinh năm: 1978, có mặt.

Địa chỉ cư trú: Bản S2, xã H, huyện N, tỉnh Điện Biên.

3. *Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của nguyên đơn:* Ông Pờ Go Loòng, sinh năm 1958 - Luật sư thực hiện trợ giúp pháp lý của Trung tâm trợ giúp pháp lý Nhà nước tỉnh Điện Biên, có mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ngày 01 tháng 10 năm 2019 và lời khai trong quá trình giải quyết vụ án chị Tẩn Phùng M trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Chị Tẩn Phùng M và anh Lý Phúc L do không hiểu biết pháp luật đã tự nguyện chung sống với nhau như vợ chồng từ năm 2002, khi chị M chưa đủ tuổi kết hôn. Sau khi đủ tuổi kết hôn, chị M và anh L chỉ tổ chức lễ

cưới theo phong tục tập quán của địa phương mà không đi đăng ký kết hôn tại cơ quan có thẩm quyền. Anh, chị chung sống hòa thuận từ năm 2002 đến năm 2018 thì nảy sinh nhiều mâu thuẫn. Nguyên nhân là do anh, chị tính tình không hợp nhau nên thường xuyên xảy ra cãi vã. Do mâu thuẫn trầm trọng nên anh, chị đã quyết định sống ly thân từ năm 2018 cho đến nay. Kể từ khi anh, chị sống ly thân thì không ai còn quan tâm đến ai nữa. Bản thân chị M nhận thấy không còn tình cảm với anh L, nên chị M đề nghị Tòa án xem xét không công nhận quan hệ vợ chồng giữa chị và anh L.

Về nuôi con chung: Chị Tần Phùng M và anh Lý Phúc L có 04 con chung chưa trưởng thành là: Lý Tả M, sinh ngày 16/4/2004; Lý A K, sinh ngày 22/12/2006; Lý Gấn P, sinh ngày 02/3/2008; Lý Phẩy N, sinh ngày 12/4/2013. Chị M có nguyện vọng trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục 01 con chung là cháu Lý Phẩy N, sinh ngày 12/4/2013 và giao 03 con chung là Lý Tả M, sinh ngày 16/4/2004; Lý A K, sinh ngày 22/12/2006; Lý Gấn P, sinh ngày 02/3/2008 cho anh Lý Phúc L trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục.

Tại văn bản ghi ý kiến của các con ngày 01/10/2019, các cháu Lý Tả M, Lý A K và Lý Gấn P đều có nguyện vọng sống cùng với anh L. Tại biên bản hòa giải ngày 16 tháng 10 năm 2019, chị M và anh L nhất trí thỏa thuận là: giao 01 con chung là Lý Phẩy N, sinh ngày 12/4/2013 cho chị M trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục và giao 03 con chung là Lý Tả M, sinh ngày 16/4/2004; Lý A K, sinh ngày 22/12/2006; Lý Gấn P, sinh ngày 02/3/2008 cho anh Lý Phúc L trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục. Chị M và anh L thống nhất hai bên không phải cấp dưỡng nuôi con chung, không đề nghị Tòa án giải quyết việc cấp dưỡng nuôi con chung.

Về tài sản chung, nợ chung: Chị M và anh L tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Trong quá trình giải quyết vụ án, tại bản tự khai của đương sự ngày 09 tháng 10 năm 2019, cũng như tại phiên tòa anh Lý Phúc L trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Anh L thống nhất với lời trình bày của chị M về quan hệ hôn nhân, thời gian chung sống như vợ chồng, về con chung. Trong quá trình hai bên chung sống từ năm 2002 đến năm 2018 anh chị sống hòa thuận. Tuy nhiên, do anh chị tính tình không hợp nhau nên vợ chồng thường xuyên xảy ra cãi vã. Vì vậy, anh chị đã quyết định sống ly thân từ năm 2018 cho đến nay. Kể từ khi sống ly thân, cả anh L và chị M không còn quan tâm đến nhau nữa, anh L cũng không còn tình cảm với chị M nên anh cũng nhất trí yêu cầu Tòa án không công nhận quan hệ vợ chồng giữa anh và chị M.

Về nuôi con chung: Anh L và chị M có 04 con chung chưa trưởng thành là: Lý Tả M, sinh ngày 16/4/2004; Lý A K, sinh ngày 22/12/2006; Lý Gấn P, sinh ngày 02/3/2008; Lý Phẩy N, sinh ngày 12/4/2013. Tại biên bản hòa giải ngày 16 tháng 10 năm 2019, anh L và chị M đã nhất trí thỏa thuận giao 01 con chung là Lý

Phẩy Nhân, sinh ngày 12/4/2013 cho chị M trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục và giao 03 con chung là Lý Tả M, sinh ngày 16/4/2004; Lý A K, sinh ngày 22/12/2006; Lý Gấn P, sinh ngày 02/3/2008 cho anh Lý Phúc L trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục. Anh L và chị M thống nhất hai bên không phải cấp dưỡng nuôi con chung, không đề nghị Tòa án giải quyết việc cấp dưỡng nuôi con chung.

Về tài sản chung và nợ chung: Anh L và chị M tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Ý kiến của người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của nguyên đơn:

Về tố tụng: Trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa, Tòa án đã tiến hành đúng trình tự thủ tục theo quy định của pháp luật.

Về nội dung vụ án: Tại phiên tòa Luật sư đề nghị Hội đồng xét xử: Căn cứ vào các Điều 28, Điều 35, Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự; khoản 1 Điều 14, khoản 2 Điều 53 của Luật Hôn nhân và gia đình, chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, không công nhận chị Tần Phùng M và anh Lý Phúc L là vợ chồng; về con chung công nhận sự thỏa thuận của các đương sự.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] *Về tố tụng:* Đây là vụ án yêu cầu không công nhận quan hệ vợ chồng do nguyên đơn là chị Tần Phùng M khởi kiện theo quy định tại khoản 1 Điều 53 Luật Hôn nhân và Gia đình. Căn cứ quy định tại khoản 1 Điều 28, khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự, do bị đơn anh Lý Phúc L hiện đang cư trú tại bản Sín Chải 2, xã H, huyện N, tỉnh Điện Biên nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện N. Tại phiên tòa nguyên đơn chị Tần Phùng M có đơn đề nghị xét xử vắng mặt, Hội đồng xét xử căn cứ vào khoản 1 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự vẫn tiến hành xét xử vụ án.

[2] *Về quan hệ hôn nhân:* Chị M và anh L chung sống với nhau như vợ chồng từ năm 2002, khi đủ tuổi kết hôn anh, chị cũng không đăng ký kết hôn. Quá trình chung sống, tuy có đầy đủ điều kiện kết hôn nhưng không đăng ký kết hôn. Theo quy định tại khoản 1 Điều 14 Luật Hôn nhân và Gia đình "*Nam, nữ có đủ điều kiện kết hôn theo quy định của Luật này chung sống với nhau như vợ chồng mà không đăng ký kết hôn thì không làm phát sinh quyền, nghĩa vụ giữa vợ và chồng...*". Do đó, quan hệ hôn nhân giữa chị M và anh L không được pháp luật công nhận là vợ chồng.

[3] *Nguyên nhân mâu thuẫn:* Chị M và anh L thừa nhận do anh, chị tính tình không hợp nhau nên thường xuyên xảy ra cãi vã. Do đó, cả 02 đã sống ly thân từ năm 2018 cho đến nay. Kể từ thời điểm sống ly thân, tình cảm giữa chị M và anh L không còn, không ai quan tâm đến ai.

[4] *Căn cứ pháp lý*: Xét thấy, nguyên nhân mâu thuẫn làm cho tình cảm của chị M và anh L không còn, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được. Theo quy định tại khoản 2 Điều 53 Luật Hôn nhân và Gia đình "*Trong trường hợp không đăng ký kết hôn mà có yêu cầu ly hôn thì Tòa án thụ lý và tuyên bố không công nhận quan hệ vợ chồng theo quy định tại khoản 1 Điều 14 của Luật này...*". Do đó, Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị M, tuyên bố không công nhận chị M và anh L là vợ chồng.

[5] *Về nuôi con chung*: Chị M và anh L có 04 con chung chưa trưởng thành là Lý Tả M, sinh ngày 16/4/2004; Lý A K, sinh ngày 22/12/2006; Lý Gấn P, sinh ngày 02/3/2008; Lý Phẩy N, sinh ngày 12/4/2013. Các cháu M, K, P đều có nguyện vọng sống cùng anh L. Chị M và anh L cũng nhất trí thỏa thuận giao 01 con chung là Lý Phẩy N, sinh ngày 12/4/2013 cho chị M trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc và giao 03 con chung là Lý Tả M, sinh ngày 16/4/2004; Lý A K, sinh ngày 22/12/2006; Lý Gấn P, sinh ngày 02/3/2008 cho anh Lý Phúc L trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục.

Về phần cấp dưỡng nuôi con chung, chị M và anh L thống nhất hai bên không phải cấp dưỡng nuôi con chung, nên không đề nghị Tòa án giải quyết việc cấp dưỡng nuôi con chung. Tại phiên tòa, anh chị vẫn giữ nguyên sự thỏa thuận, Hội đồng xét xử xét thấy sự thỏa thuận của các đương sự là có căn cứ và phù hợp nên chấp nhận sự thỏa thuận về nuôi con chung và cấp dưỡng nuôi con của chị M và anh L.

[6] *Về tài sản chung, nợ chung*: Do nguyên đơn và bị đơn đã tự thỏa thuận và không yêu cầu Tòa án giải quyết, nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[7] *Về án phí dân sự sơ thẩm*: Nguyên đơn chị Tẩn Phùng M có đơn xin miễn án phí dân sự sơ thẩm vì chị M là đồng bào dân tộc thiểu số (dân tộc Mông) sống tại bản Sín Chải 2, xã H, huyện N là xã có điều kiện kinh tế, xã hội đặc biệt khó khăn. Căn cứ khoản 4 Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự; điểm đ khoản 1 Điều 12, Điều 15 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội khóa 14, Hội đồng xét xử miễn án phí dân sự sơ thẩm cho nguyên đơn.

[8] Tại phiên tòa, người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của nguyên đơn đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, không công nhận chị Tẩn Phùng M và anh Lý Phúc L là vợ chồng; về con chung công nhận sự thỏa thuận của các đương sự. Đề nghị của Luật sư là có cơ sở nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ:

Khoản 7 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 4 Điều 147, khoản 1 Điều 228, Điều 271 và khoản 1 Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự;

Điều 14, Điều 15, Điều 16, khoản 2 Điều 53 và Điều 58 của Luật Hôn nhân và Gia đình;

Điểm đ khoản 1 Điều 12, khoản 6 Điều 15 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội khóa 14,

Tuyên xử:

1. *Về quan hệ hôn nhân*: Không công nhận quan hệ vợ chồng giữa chị Tân Phùng M và anh Lý Phúc L.

2. *Về nuôi con chung*: Công nhận sự thỏa thuận của chị M và anh L là: giao 01 con chung là Lý Phẫu N, sinh ngày 12/4/2013 cho chị M trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc và giao 03 con chung là Lý Tả M, sinh ngày 16/4/2004; Lý A K, sinh ngày 22/12/2006; Lý Gấn P, sinh ngày 02/3/2008 cho anh Lý Phúc L trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục.

Về cấp dưỡng: Chị M và anh L thống nhất là hai bên không phải cấp dưỡng nuôi con chung, không đề nghị Tòa án giải quyết việc cấp dưỡng nuôi con chung.

Sau khi ly hôn người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở. Người trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu người không trực tiếp nuôi con thực hiện nghĩa vụ theo quy định tại Điều 82 Luật Hôn nhân và gia đình. Vì lợi ích của con, trong trường hợp có yêu cầu của cha, mẹ hoặc cá nhân, tổ chức quy định tại khoản 5 Điều 84 Luật Hôn nhân và gia đình, Tòa án có thể thay đổi người trực tiếp nuôi con.

3. *Về tài sản chung, nợ chung*: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

4. *Về án phí dân sự sơ thẩm*: Nguyên đơn chị Tân Phùng M được miễn án phí dân sự sơ thẩm do là đồng bào dân tộc thiểu số sống tại xã có điều kiện kinh tế, xã hội đặc biệt khó khăn.

5. *Về quyền kháng cáo*: Nguyên đơn có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc niêm yết bản án; bị đơn có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- Viện kiểm sát nhân dân huyện N;
- Phòng Kiểm tra nghiệp vụ và THA Tòa án tỉnh;
- Chi cục THADS huyện N;
- UBND xã H;
- Lưu Hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ**

Vũ Thị Thành

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- Viện kiểm sát nhân dân huyện N;
- Phòng Kiểm tra nghiệp vụ và THA Tòa án tỉnh;
- Chi cục THADS huyện N;
- UBND xã H;
- Lưu Hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ**

Vũ Thị Thành